

Bản án số: 138/2024/HS-ST

Ngày: 22/7/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Hạnh

Ông Đào Khắc Dinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Kim Oanh – Thư ký TAND tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Ông Trần Huy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 119/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Mai Khánh L, sinh năm 1980 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Mai Đình T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; Chưa có chồng con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 21/12/2020 bị Công an huyện N, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai báo thông tin giả đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Bị tạm giữ từ ngày 19/7/2023, chuyển tạm giam ngày 28/7/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

2. Trần Xuân D, sinh năm 1991 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân H và bà Nguyễn Thị N2; có vợ Phạm Thị H1 và có 02 con, lớn sinh năm 2021, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 31/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 07 tháng 12 ngày tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng 24 ngày về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 31/8/2012, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt của bản án số 23/2011/HS-ST ngày 31/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện Q, phải chấp hành hình phạt chung là 22 tháng 12 ngày tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/4/2014, đã được xóa án tích); Ngày 17/6/2016, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 40 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/11/2018, đã được xóa án tích); Bị bắt tạm giam từ ngày 27/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

3. Nguyễn Văn D1, sinh năm 1992 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn T4, xã T5, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N3 và bà Nguyễn Thị T6 (đều đã chết); có vợ Trương Thị H2, chưa có con; tiền án: Ngày 09/01/2015, Tòa án nhân dân thành phố N4, tỉnh N4 xử phạt 36 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017, chưa thi hành phần án phí và phân bồi thường dân sự); Ngày 28/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố T7, tỉnh N4 xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/8/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh T ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 24 tháng, tại Trung tâm giáo dục - Lao động xã hội tỉnh T; ngày 15/11/2013, Tòa án nhân dân thị xã T7, tỉnh N4 xử phạt 06 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*”; ngày 13/3/2017, Tòa án nhân dân huyện H3, tỉnh N4 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trong thời hạn 24 tháng (ngày 24/02/2019 chấp hành xong);

Bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023, chuyển tạm giam ngày 27/7/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

4. Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Tiểu khu Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Hữu C2 và bà Ngô Thị T8; Chưa có vợ con; tiền án: Ngày 31/5/2011, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh T xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/7/2013, chưa nộp án phí HSST); ngày 28/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh K xử phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/9/2022); tiền sự: Không; nhân thân: ngày 29/5/2008, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 21 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” và tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”; ngày 24/4/2014, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 02 năm 10 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/9/2016, đã được xóa án tích); Bị tạm giữ từ ngày 23/7/2023, chuyển tạm giam ngày 26/7/2023 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

5. Mai Thị H4, sinh năm 1990 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Mai Đình T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 21/12/2020, Công an huyện N, tỉnh T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai báo thông tin giả đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; ngày 26/6/2024, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”; bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023, chuyển tạm giam ngày 27/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

6. Trần Ngọc S, sinh năm 2000, tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T; Giới tính: Nam; Quốc tịch:

Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Xuân M và bà Mai Thị T9 (bị cáo trong vụ án); chưa có vợ con; tiền án: Ngày 13/8/2021, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 12 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/4/2022); tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023, chuyển tạm giam ngày 27/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

7. Mai Thị T9, sinh năm 1977 tại huyện N, tỉnh T;

Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Mai Đình T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3; có chồng Trần Xuân M (không đăng ký kết hôn), có 02 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/3/2006, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; bị tạm giữ từ ngày 21/7/2023, chuyển tạm giam ngày 27/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T; Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Hồ Văn T10, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn T11, xã T12, huyện N, tỉnh T. vắng mặt.

Anh Nguyễn Như H5, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T. vắng mặt.

Anh Trần Ngọc M1, sinh năm 2005; nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T. vắng mặt.

Anh Lê Đình L1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tiểu khu T13, thị trấn N, huyện N, tỉnh T. Có mặt.

Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn C, xã V, huyện N, tỉnh T. Có mặt

Ngân hàng VIB Chi nhánh T; Địa chỉ: Số 2 đường L2, phường L3, thành phố T, tỉnh T. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 00 giờ 10 phút ngày 19/7/2023, tổ công tác Công an tỉnh T phối hợp với Công an huyện N, tỉnh T và Công an thị trấn N làm nhiệm vụ tại tiểu khu B, thị trấn N, huyện N thì phát hiện Hồ Văn T10, sinh năm 1992 ở thôn T11, xã T12, huyện N đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản với T10, thu giữ: 01 (một) gói giấy bạc bên trong chứa 01 (một) viên nén hình trụ tròn, màu đỏ. Hồ Văn T10 khai nhận đây là ma túy hồng phiến vừa mua được của Trần Xuân D sử dụng chưa hết.

Căn cứ lời khai của Hồ Văn T10, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Xuân D tại nhà hàng Đ1 ở tiểu khu T13, thị trấn N, huyện N, tỉnh T và thu giữ: 01 túi nilon màu hồng, bên trong đựng các viên nén hình trụ tròn màu đỏ và màu xanh tại vị trí dưới gầm máy nổ khu vực hành lang bếp của

quán.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Xuân D tại thôn C, xã V, huyện N thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu xanh; 01 chiếc cân tiểu ly màu xám, kích thước (12x6)cm; 01 túi zip nylon viền đỏ kích thước (30x15)cm bên trong chứa nhiều túi zip nhỏ kích thước (04x08)cm viền đỏ.

Ngày 19/7/2023, Cơ quan điều tra tạm giữ của Trần Xuân D: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen vàng, BKS: 36B3-263.41; 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại Santafe, màu đen, gắn BKS: 36A-811.46; 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại Accent, màu trắng, gắn BKS: 36A-941.47 và số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Đến 04 giờ 30 phút cùng ngày, tổ công tác Công an tỉnh T phối hợp với Công an huyện N và Công an xã T1 làm nhiệm vụ tại đường liên thôn đoạn thuộc thôn N1, xã T1, huyện N phát hiện Mai Khánh L đang cầm ma túy trong tay phải để mang đi bán. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L và thu giữ: 01 gói giấy bạc, bên trong đựng các viên nén hình trụ tròn, màu đỏ; 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu iPhone màu vàng, gắn sim số 0947.791.986. Mai Khánh L khai nhận các viên nén màu đỏ là ma túy hồng phiến L đang đem đi bán với giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng)/viên.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Mai Khánh L ở thôn N1, xã T1, huyện N thu giữ: 01 (một) túi nylon màu xanh kích thước khoảng (5x7)cm, bên trong đựng các viên nén màu đỏ tại giường ngủ của Mai Khánh L; Số tiền 214.000.000đ (hai trăm mười bốn triệu đồng) thu trong két sắt của Mai Khánh L và 01 ô tô nhãn hiệu Mazda, màu đỏ, BKS: 36A-448.75. L khai nhận đây là ma túy hồng phiến L cất giấu để bán kiếm lời.

Ngày 19/7/2023, Cơ quan điều tra tạm giữ của Mai Thị H4: 01 sổ ghi chép bên trong có ghi 02 giấy vay nợ của Trần Đình Đ2, sinh năm 1993 ở tiểu khu L3 1, thị trấn N, huyện N, với tổng số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng); 02 giấy vay nợ của Tống Xuân T14, sinh năm 1993 ở xã T5, huyện N với tổng số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và 02 bản gốc Quyết định nâng lương, thăng cấp bậc hàm của Trần Đình Đ2 và Tống Xuân T14.

Ngày 21/7/2023, Nguyễn Văn D1, Mai Thị H4, Trần Ngọc S, Mai Thị T9 đầu thú về hành vi giúp sức cho Mai Khánh L trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu vàng của Nguyễn Văn D1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax, màu trắng của Mai Thị H4, gắn sim số 0858.465.678; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS, màu hồng, gắn sim số 0868.107.025 của Trần Ngọc S và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu nâu thu của Mai Thị T9.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Ngọc S thu giữ: 03 (ba) tờ tiền polime mệnh giá 50.000đ (năm mươi nghìn đồng); 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ (mười nghìn đồng).

Ngày 22/7/2023, Nguyễn Văn C1 đầu thú về hành vi giúp sức cho Trần Xuân D trong việc bán ma túy cho Hồ Văn T10. Cơ quan điều tra tạm giữ 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO màu vàng của T10.

Tại Bản kết luận giám định số 2740/KL-KTHS ngày 26/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận: 01 viên nén hình trụ tròn màu đỏ thu

giữ của Hồ Văn T10, là ma túy, có tổng khối lượng 0,08g, loại Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số 2732/KL-KTHS ngày 25/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận về tang vật thu giữ của Mai Khánh L: 11 (mười một) viên nén hình trụ tròn màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 1,067g, loại Methamphetamine; 30 (ba mươi) viên nén hình trụ tròn màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 2,881g, loại Methamphetamine (tổng khối lượng ma túy thu giữ của Mai Khánh L là 3,948g, loại Methamphetamine).

Tại Bản kết luận giám định số 2739/KL-KTHS ngày 26/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận về tang vật thu giữ của Trần Xuân D: Các viên nén hình trụ tròn màu đỏ là ma túy, có tổng khối lượng 28,722g, loại Methamphetamine; Các viên nén hình trụ tròn màu xanh là ma túy, có tổng khối lượng 0,337g, loại Methamphetamine (tổng khối lượng ma túy thu giữ của Trần Xuân D là 29,059g, loại Methamphetamine).

* Quá trình điều tra xác định:

1. Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Trần Ngọc S, Mai Khánh L, Nguyễn Văn D1 và Mai Thị T9:

Tối ngày 02/6/2023, Trần Ngọc S (là cháu của L) đưa 25.000.000đ (hai lăm triệu đồng) cho L để nhờ L mua ma túy heroine, mục đích để S sử dụng và bán kiếm lời. L đồng ý, sau đó gọi điện cho Nguyễn Văn D1 nhờ D1 mua 25.000.000đ tiền ma túy heroine. D1 đồng ý rồi gọi điện cho một người tên là M2 ở huyện N5, tỉnh N4 và hỏi mua 01 cây heroine. M2 nói 25.000.000đ chỉ được 08 (tám) chỉ heroine. D1 gọi điện nói lại cho L biết, L đồng ý mua và hẹn D1 sáng mai đến nhà L lấy tiền để đi mua ma túy. Sau đó, D1 gọi điện lại thông báo cho M2 sáng mai D1 sẽ ra huyện N5 để mua ma túy, M2 hẹn D1 khi nào ra đến N5 thì điện cho M2. Khoảng 05 giờ sáng ngày 03/6/2023, D1 đi taxi đến nhà L lấy 25.000.000đ để đi mua ma túy. Khoảng 08 giờ cùng ngày, D1 ra đến thị trấn N5, huyện N5 rồi gọi điện cho M2, M2 bảo D1 đợi, một lúc sau M2 ra đưa cho D1 01 gói heroin, D1 đưa cho M2 tiền như đã thỏa thuận.

Sau đó, D1 đem gói heroine vừa mua của M2 về nhà L đưa cho L, đến trưa cùng ngày, L gọi Trần Ngọc S sang rồi đưa lại gói heroine trên cho S. Sau khi nhận được heroine, S đem về phòng ngủ của S cất giấu trong tủ quần áo để có ai hỏi mua thì bán và sử dụng cho bản thân. S đã bán số ma túy heroine trên cho Đồng Huy T15, sinh năm 1990 ở thôn B1, xã T16, huyện N 03 lần vào các ngày 12,15,17/7/2023, mỗi lần bán 01 gói giá 500.000đ/gói. Ngoài ra, S còn bán cho Nguyễn Như H5, sinh năm 1985 ở thôn N1, xã T1, huyện N 03 lần, mỗi lần 01 gói heroine với giá 500.000đ/gói vào các ngày 17,16,17/7/2023. Số heroine còn lại, S đã sử dụng hết.

Cũng trong khoảng đầu tháng 6/2023, Trần Xuân D liên hệ với Mai Khánh L đặt vấn đề hỏi chỗ L có ma túy hồng phiến “*hàng ngon*” không thì bán cho Trần Xuân D để D bán cho khách ở thị trấn N, do ở thị trấn N “*hàng nhạt*” (tức là hàng kém chất lượng), khách chê không bán được. L bảo Trần D mua cho L 01 đàn hồng phiến (khoảng 200 viên) để L thử. Trần D đồng ý rồi gọi điện cho một người tên là C3 hỏi mua 01 đàn hồng phiến với giá 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) đưa cho L để L thử hàng. Sau khi nhận được hồng phiến của Trần D, L đem về sử dụng và cho một vài người khách thử và sử dụng, còn lại khoảng 20 viên L

cất giấu trong phòng ngủ để sử dụng và bán. Bản thân L cũng sử dụng thấy hàng nhạp nên L thông báo lại cho Trần Xuân D biết, đồng thời L giới thiệu chỗ L có chỗ lấy hàng ngon (hồng phiến chất lượng), bảo Trần D mua thì L bán cho 30 đàn (tức 30 túi, mỗi túi khoảng 200 viên). Trần Xuân D đồng ý bảo L lấy về cho D thử, nếu hàng đảm bảo chất lượng, D sẽ mua. Sau đó, L gọi điện cho Nguyễn Văn D1 bảo D1 mua hồng phiến cho L. Nguyễn Văn D1 đồng ý rồi gọi điện cho một người tên H6, nhà ở thành phố N4 hỏi mua hồng phiến, H6 đồng ý. Tối ngày 25/6/2023 Nguyễn D1 gọi điện lại cho Mai Khánh L nói là đã có chỗ mua được hồng phiến, hỏi L mua số lượng bao nhiêu đồng thời báo giá là 6.500.000đ/túi (mỗi túi 200 viên). L bảo Nguyễn D1 mua cho L 30 túi. Nguyễn D1 đồng ý rồi gọi điện lại cho H6 báo là sẽ mua 30 túi hồng phiến, tuy nhiên H6 nói chỉ còn 20 túi hồng phiến và báo giá 20 túi hồng phiến là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Nguyễn D1 gọi cho L thông báo là chỉ lấy được 20 túi hồng phiến và bảo L cho ứng trước một ít tiền để đi mua ma túy. L nói L không có tiền, bảo Nguyễn D1 cứ bỏ tiền ra mua trước, khi nào khách thanh toán thì mới có. Tuy nhiên, Nguyễn D1 nói chỉ có 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), không đủ tiền nên L nói sẽ đưa trước cho D1 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Sau đó, L gọi điện cho Mai Thị T9 (là chị gái L) dặn T9 sáng mai đưa cho Nguyễn Văn D1 20.000.000đ để D1 đi mua ma túy, T9 đồng ý. Sau khi gọi điện xong cho T9, L gọi điện lại cho Nguyễn Văn D1 bảo sáng mai khi nào đi thì đến nhà T9 lấy tiền. D1 đồng ý rồi gọi điện lại cho H6 thông báo sáng mai sẽ ra mua hồng phiến. H6 gửi cho D1 một số điện thoại, dặn D1 khi nào ra đến nơi thì gọi vào số điện thoại trên, sẽ có người đem ma túy ra cho D1. Khoảng 05 giờ sáng ngày 26/6/2023, Nguyễn D1 đi taxi đến nhà Mai Thị T9 lấy 20.000.000đ, để đi mua hồng phiến cho L. Khoảng 08 giờ cùng ngày, D1 ra đến thành phố N4 rồi gọi điện vào số điện thoại mà H6 gửi thì có một người thanh niên nghe máy, hẹn D1 đến khu vực cầu N6, thành phố N4 để giao hàng. Khi gặp người thanh niên này, D1 nói D1 chỉ lấy trước 01 túi để thử hàng, nếu hàng đảm bảo chất lượng, khách đồng ý mua thì D1 mới lấy hết 19 túi hồng phiến còn lại. Người thanh niên đồng ý, đưa cho D1 01 túi hồng phiến rồi người này sẽ đi về T cùng với D1 để thỏa thuận mua bán toàn bộ số hồng phiến. Khoảng 10 giờ trưa cùng ngày, khi đi về đến tỉnh N, D1 đem túi hồng phiến vào nhà đưa cho L còn người thanh niên ở bên ngoài đợi. Sau khi lấy 01 túi hồng phiến của Nguyễn Văn D1 mua, L đưa cho Trần Xuân D khoảng 100 viên để Trần D thử. Số viên hồng phiến còn lại, L bỏ lẫn với các viên hồng phiến của Trần Xuân D đưa cho L trước đó (L không nhớ cụ thể số hồng phiến còn lại là bao nhiêu viên) rồi cất giấu trong phòng ngủ để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán. Khoảng 4 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, L đang cầm 11 viên hồng phiến để đi bán cho một người khách ở C4, huyện N đã hẹn từ trước. Khi L vừa ra khỏi nhà được khoảng 100m thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang.

Đối với Nguyễn Văn D1, sau khi đưa 01 túi ma túy hồng phiến cho L, do không thấy L nói lại xem khách có đồng ý mua hết số hồng phiến hay không, nên D1 bảo người thanh niên trên cứ về N4, khi nào khách đồng ý mua thì D1 sẽ gọi lại. Khoảng 1 tuần sau khi D1 đưa 01 túi ma túy hồng phiến cho L để thử chất lượng, L nhắn tin cho D1 nói là khách chê hàng nhạp nên không mua hết số hồng phiến còn lại. Do đó D1 bảo L đưa cho D1 4.000.000đ (bốn triệu đồng), D1 sẽ

phụ 2.000.000đ (hai triệu đồng) để D1 trả tiền 01 túi hồng phiến cho H6, nhưng L không đồng ý, do đó D1 chưa trả tiền túi hồng phiến trên cho H6. Đối với số tiền 20.000.000đ D1 lấy của T9 để đi mua hồng phiến trước đó, D1 đã trả lại cho T9.

2. Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Mai Thị H4 (chị gái của Mai Khánh L):

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 30/6/2023, Trần Ngọc M1, sinh năm 2005 ở thôn N1, xã T1, huyện N (là con trai của Mai Thị T9) nhắn tin cho H4 hỏi mua 05 viên hồng phiến để sử dụng, tuy nhiên, do sợ bị gia đình biết việc mình sử dụng ma túy nên M1 nói với H4 là mua để bán cho khách. H4 đồng ý rồi lấy 05 viên hồng phiến L cất giấu ở đầu giường ngủ đem ra bán cho M1 với giá 500.000đ. Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 07/7/2023, L nhắn tin cho H4 bảo H4 lấy 05 viên hồng phiến đưa cho Nguyễn Văn D1, tiền D1 đã chuyển khoản. H4 đồng ý rồi lấy 05 viên hồng phiến trong túi hồng phiến L cất giấu ở đầu giường ngủ đem ra công đưa cho D1.

3. Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Trần Xuân D và Nguyễn Văn C1:

Sau khi được L đưa cho khoảng 100 viên hồng phiến để thử hàng, Trần Xuân D đem về nhà cùng Nguyễn Văn C1 sử dụng. Sau khi sử dụng xong, Trần D gọi điện lại cho L nói là hàng kém chất lượng, khách chê không bán được, D không mua hồng phiến của L nữa. Số hồng phiến còn lại L đưa, D đem về nhà cất giấu để sử dụng và có ai hỏi mua thì bán. Tối ngày 16/7/2023, D liên hệ với một người tên C3 ở thành phố T hỏi mua 01 túi hồng phiến. C3 đồng ý, báo giá 7.000.000đ (bảy triệu đồng), C3 hẹn địa điểm giao ma túy tại thị trấn N. Khoảng 30 phút sau, có một người thanh niên, điều khiển xe mô tô, đeo khẩu trang đem ma túy đến khu vực gần quán bia Đ1, tiểu khu T13, thị trấn N giao cho D, rồi D đưa tiền cho người thanh niên này. Sau khi mua được túi hồng phiến, D đem về nhà trộn lẫn với các viên hồng phiến mà L đưa trước đó chung một túi. Khoảng 20 giờ ngày 18/7/2023, D đem theo túi hồng phiến đến quán Đ1 thì thấy Nguyễn Văn C1 đang ở quán. Lúc này D khoe với C1 là có 01 túi hồng phiến. Sau đó D đem túi hồng phiến cất giấu dưới túi rác sau bếp của quán bia Đ1 rồi đi ra ngoài có việc. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, C1 gọi điện hỏi D ma túy để ở đâu để C1 biết khi nào có khách mua thì C1 lấy ra bán. D nói đang cất giấu dưới túi rác sau bếp. Nguyễn Văn C1 ra sau bếp thấy túi hồng phiến D đang giấu dưới túi rác. C1 lấy 05 viên hồng phiến gói vào giấy bạc giấu trong người để có ai hỏi mua thì bán và cất giấu túi ma túy dưới gầm máy phát điện phía sau quán bia Đ1. Khoảng 23 giờ cùng ngày, Trần D về quán Đ1, trong lúc D đang uống bia thì Hồ Văn T10 gọi cho D, đặt vấn đề cầm cỗ xe máy để lấy 3.000.000đ (ba triệu đồng) và hỏi mua 500.000đ ma túy hồng phiến, D đồng ý, bảo T10 đến quán Đ1. D bảo C1 khi nào T10 đến thì đưa cho T10 05 viên hồng phiến. Sau khi gọi điện cho Trần Xuân D, Hồ Văn T10 mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu đen vàng, BKS: 36B3-263.41 của bố là ông Hồ Văn T17, sinh năm 1962 ở thôn T12, xã T11, huyện N nói đi công việc. Khoảng 15 phút sau, Hồ Văn T10 điều khiển xe mô tô trên đến nhà hàng Đ1 giao xe cho Trần Xuân D. Sau khi nhận xe máy của T10, D chuyển khoản cho T10 2.200.000đ (hai triệu hai trăm nghìn đồng) do D đã trừ đi 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) tiền lãi và 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) tiền mua ma túy. D bảo T10 ra chỗ C1 lấy hồng phiến. T10 đi ra cửa gặp C1, C1 lấy 05 viên hồng phiến cất giấu trong người trước đó đưa cho T10. Sau khi mua được hồng phiến của D và C1, T10 đem ra khu vực sân bóng T18, thuộc tiểu khu T13, thị trấn N sử dụng hết 04 viên, còn lại 01 viên T10 gói vào giấy bạc cất giấu trong người để đem về nhà, khi nào có nhu cầu thì sử dụng hết. Khi T10 đi về đến tiểu khu B, thị trấn N, huyện N, tỉnh T thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện.

Quá trình điều tra vụ án, bị các cáo đã thành khẩn khai báo phù hợp với tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

* Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave S, màu đen vàng, BKS: 36B3-263.41: Trần Xuân D khai nhận đây là xe do Hồ Văn T10 cầm cố để lấy 3.000.000đ và mua 500.000đ ma túy hồng phiến của D. Hồ Văn T10 khai nhận đây là xe T10 mượn của bố là ông Hồ Văn T17, khi mượn xe, T10 nói là để đi công việc. Ông Hồ Văn T17 khai nhận: Tháng 9/2013 ông T17 mua chiếc xe trên để làm phương tiện đi lại hàng ngày, xe do ông T17 đứng tên đăng ký chủ sở hữu phương tiện. Hằng ngày, sau khi đi làm về, ông T17 dựng xe ở tại sân nhà mình. Khoảng 23 giờ ngày 18/7/2023, Hồ Văn T10 là con trai ông T17 hỏi mượn xe máy trên của T17 để đi công việc. Sau đó, T10 sử dụng chiếc xe máy trên vào mục đích gì thì ông T17 không biết. Tiến hành tra chủ sở hữu phương tiện, xác định xe Honda, loại Wave S, màu đen vàng, BKS: 36B3-263.41 do ông Hồ Văn T17 đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành tra cứu xe vật chứng, xác định chiếc xe máy trên không nằm trong dữ liệu xe máy vật chứng của vụ án khác. Căn cứ tài liệu điều tra, xác định, ông T17 không biết việc T10 dùng chiếc xe máy trên làm tài sản cầm cố cho Trần Xuân D để lấy tiền và mua ma túy. Mặt khác, hành vi tàng trữ 0,080g, ma túy loại Methamphetamine của Hồ Văn T10 chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Quá trình điều tra, Trần Xuân D đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 500.000đ mà T10 cầm xe máy để mua ma túy hồng phiến của D. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng đối với chiếc xe máy trên bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Hồ Văn T17.

- Đối với 01 sổ ghi chép bên trong có ghi 02 giấy vay nợ của Trần Đình Đ2, 02 giấy vay nợ của Tống Xuân T14 và 02 bản gốc Quyết định nâng lương, thăng cấp bậc hàm của Trần Đình Đ2 và Tống Xuân T14. Quá trình làm việc, Trần Đình Đ2, Tống Xuân T14 đều khai nhận là cán bộ Công an huyện N, đã sử dụng Quyết định nâng lương, thăng cấp bậc hàm để cầm cố, vay tiền của Mai Thị H4 với lãi suất là 2.000đ-3.000đ/1.000.000đ/ngày (hai nghìn đến ba nghìn đồng trên một triệu đồng một ngày). Căn cứ tài liệu điều tra, xác định hành vi của Mai Thị H4 có dấu hiệu của tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, có liên quan đến cán bộ Công an huyện N, thuộc thẩm quyền xác M1, điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, do đó, ngày 10/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã chuyển toàn bộ vật chứng trên cùng tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để tiến hành xác minh theo quy định.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI, loại Santafe, màu đen, gắn BKS: 36A-811.46, tạm giữ của Trần Xuân D: Dương khai nhận chiếc xe ô tô trên là của một người bạn tên H nhà ở thị trấn N. Khoảng tháng 02/2023, H7 ký gửi chiếc xe

ô tô trên cho D để làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. Hàng ngày, D để chiếc xe ô tô trên tại quán bia Đ1 để cho khách thuê, thỉnh thoảng D có sử dụng chiếc xe ô tô trên làm phương tiện đi lại. D không sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tiến hành tra chủ sở hữu phương tiện, xác định xe ô tô trên do Lê Minh H7, trú tại tiểu khu T19 1, thị trấn N đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành tra cứu xe vật chứng, xác định chiếc xe ô tô trên không nằm trong dữ liệu xe ô tô vật chứng của vụ án khác. Tiến hành triệu tập, làm việc với Lê Minh H7, H7 khai báo khoảng tháng 8/2022, H7 mua chiếc xe ô tô trên để làm phương tiện đi lại, đi làm hàng ngày. Khoảng đầu tháng 02/2023, H7 ra Hà Nội làm ăn, do không có nhu cầu sử dụng xe ô tô nên H7 gửi xe cho Trần Xuân D để D cho thuê xe ô tô tự lái. Hàng tháng, tiền lãi từ việc cho thuê xe H7 và D chia đều, thỉnh thoảng có việc H7 đến chỗ D lấy xe để làm phương tiện đi lại. Bản thân H7 không biết và không tham gia vào việc mua bán trái phép chất ma túy của Trần Xuân D. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý đồ vật tài liệu đối với xe ô tô trên bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Lê Minh H7.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu đỏ, BKS: 36A-448.75 thu giữ của Mai Khánh L: L khai nhận tháng 10/2019, L mua chiếc xe ô tô trên làm phương tiện đi lại, xe do L đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tuy nhiên, L ít khi sử dụng mà để xe tại nhà của L ở thôn N1, xã T1, huyện N, còn L ở tại nhà mẹ đẻ cách nhà L khoảng 500m, mọi hoạt động mua bán trái phép chất ma túy của L đều diễn ra tại nhà mẹ đẻ của L. L không sử dụng chiếc xe ô tô trên làm phương tiện thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tiến hành tra chủ sở hữu phương tiện, xác định xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu đỏ, BKS: 36A-448.75 do Mai Khánh L đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành tra cứu xe vật chứng, xác định chiếc xe ô tô trên không nằm trong dữ liệu xe ô tô vật chứng của vụ án khác.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại Accent, màu trắng, gắn BKS: 36A-941.47 tạm giữ của Trần Xuân D: D khai nhận, khoảng đầu tháng 7/2023, D rủ Lê Đình L1, sinh năm 1990 ở tiểu khu T13, thị trấn N góp tiền mua xe ô tô để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. Sau đó, D góp 180.000.000đ (một trăm tám mươi triệu đồng), L1 góp 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), tổng cộng được 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng), đồng thời vay thế chấp tại ngân hàng VIB tỉnh T số tiền còn thiếu để mua xe ô tô. Khi mua xe Trần Xuân D là người đăng ký tên chủ sở hữu phương tiện và làm hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng để vay tiền tại ngân hàng VIB. Sau khi mua xe về, D để tại quán bia Đ1 (do Lê Đình L1 làm chủ) để cho khách thuê. D không dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tiến hành làm việc với Lê Đình L1, L1 cũng khai nhận việc L1 góp tiền với Trần Xuân D để mua trả góp chiếc xe ô tô trên làm dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái. Khi mua xe, L1 và D thỏa thuận D là người đứng tên trong đăng ký xe và ký các hợp đồng để vay thế chấp tại ngân hàng. Hàng tháng vợ chồng D sẽ có trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay tại ngân hàng theo hợp đồng, do đó L1 giao lại quyền quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô trên cho Trần Xuân D. Tiền lãi từ việc kinh doanh cho thuê xe D và L1 thỏa thuận sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn ban đầu. Tuy nhiên, do xe mới được cấp biển, chưa có khách thuê nên D và L1 chưa chưa có thu nhập từ việc kinh doanh xe ô tô tự lái đối với xe ô tô trên. Tiến hành tra chủ sở hữu phương tiện, xác định xe ô tô HYUNDAI, loại Accent,

màu trắng, gắn BKS: 36A-941.47 do Trần Xuân D đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Tiến hành tra cứu xe vật chứng, xác định chiếc xe ô tô trên không nằm trong dữ liệu xe ô tô vật chứng của vụ án khác.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc giữa Trần Xuân D và đại diện Ngân hàng VIB Chi nhánh T. Tại buổi làm việc, đại diện Ngân hàng VIB khẳng định chiếc xe ô tô trên đang được Trần Xuân D dùng làm tài sản thế chấp để vay 250.000.000đ tại Ngân hàng VIB. Hàng tháng, chị Phạm Thị H1, sinh năm 1995 ở thôn C, xã V, huyện N (là vợ của Trần Xuân D) là người thanh toán khoản nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, đến nay chưa vi phạm các nghĩa vụ thanh toán nợ. Tuy nhiên do tài sản thế chấp có tính rủi ro cao do Trần Xuân D đang bị bắt và tạm giam, nên phía Ngân hàng đề nghị Cơ quan điều tra giải quyết, bàn giao lại chiếc xe ô tô trên cho Ngân hàng VIB để thu hồi khoản nợ mà Trần Xuân D đã vay. Tuy nhiên, Trần Xuân D không đồng ý cho Ngân hàng VIB thu hồi xe ô tô trên, đến nay chị Phạm Thị H1 vẫn thực hiện việc trả nợ, chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng.

- Đối với số ma túy còn lại sau giám định; 07 điện thoại di động thu giữ của các bị cáo; 02 chiếc xe ô tô; số tiền 500.000đ thu của Trần Xuân D; số tiền 214.000.000đ thu của Mai Khánh L; số tiền 160.000đ thu của Trần Ngọc S; các đồ vật còn lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh T chờ xử lý.

Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 06/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T đã truy tố:

- Mai Khánh L, Mai Thị H4, Trần Ngọc S về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Văn D1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Trần Xuân D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Nguyễn Văn C1 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm i, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Mai Thị T9 về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo, và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; (áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với Trần Ngọc S); Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Mai Khánh L, Mai Thị H4 và Trần Ngọc S. Xử phạt:

- Mai Khánh L từ 13 -14 năm tù;

- Mai Thị H4 từ: 09 -10 năm tù;

- Trần Ngọc S từ: 08 năm 06 tháng - 09 năm 06 tháng tù;

Áp dụng: Điểm b, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn D1: từ 11 năm 06 tháng - 12 năm tù

Áp dụng: Điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Xuân D từ: 13 - 14 năm tù

Áp dụng: Điểm i, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C1: từ 12 năm 06 tháng - 13 năm tù

Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Mai Thị T9: từ 03 năm - 03 năm 06 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự: phạt tiền Mai Khánh L và Trần Xuân D, mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ, miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo còn lại.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy thu của các bị cáo còn lại sau giám định; 01 cân tiểu ly; các túi nilon.

Tịch thu phát mai sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone màu vàng của Nguyễn Văn D1; 01 điện thoại Iphone 12 Promax, màu trắng của Mai Thị H4; 01 điện thoại di động Iphone XS màu hồng của Trần Ngọc S; 01 điện thoại di động Samsung màu nâu của Mai Thị T9; 01 điện thoại Iphone 11 Promax của Trần Xuân D; 01 điện thoại di động Oppo màu vàng của Nguyễn Văn C1.

Tịch thu sung quỹ nhà nước: 500.000đ của Trần Xuân D và 160.000đ của Trần Ngọc S.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 214.000.000đ của Mai Khánh L để bảo đảm thi hành án.

Trả lại: 01 xe mô tô nhãn hiệu Mazda màu đỏ BKS 36A-448.75 kèm chìa khóa cho Mai Khánh L; 01 xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent màu trắng BKS 36A-941.47 kèm chìa khóa xe chị Phạm Thị H1, sinh năm 1995 ở thôn C, xã V, huyện N (là vợ của Trần Xuân D).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Đình L1, Phạm Thị H1: Chiếc xe ô tô Hyundai Accent màu trắng BKS 36A-941.47 do bị cáo Trần Xuân D góp vốn cùng anh L1 để làm dịch vụ cho thuê xe, hiện nay xe đang thế chấp tại Ngân hàng, chị H1 vợ bị cáo Trần Xuân D hiện nay vẫn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, hơn nữa chiếc xe không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng trả lại chiếc xe nói trên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố

tụng khác không có ý kiến, khiếu nại. Do đó các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, những người làm chứng, kết luận giám định, vật chứng của vụ án đã thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 4 giờ 30 phút, ngày 19/7/2023 tại thôn N1, xã T1, huyện N, tỉnh T, tổ công tác Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang Mai Khánh L đang có hành vi tàng trữ 1,067g ma túy loại Methamphetamine để đi bán. Ngoài ra, L còn có hành vi cất giấu 2,881g ma túy loại Methamphetamine tại nhà ở, mục đích để sử dụng và bán kiếm lời. Tổng khối lượng ma túy Mai Khánh L phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là 3,948g Methamphetamine. Ngoài ra, Mai Khánh L còn có hành vi bán ma túy cho Trần Ngọc S; chỉ đạo Mai Thị H4 bán ma túy cho Trần Ngọc M1 và Nguyễn Văn D1; chỉ đạo Mai Thị T9 đưa 20 triệu đồng cho Nguyễn Văn D1 để D1 đi mua ma túy.

Cùng ngày 19/7/2023, tại tiểu khu T13, thị trấn N, huyện N, Trần Xuân D có hành vi tàng trữ trái phép 29,059g ma túy loại Methamphetamine, mục đích để bán kiếm lời. Trần Xuân D còn có hành vi bán trái phép 0,08g ma túy loại Methamphetamine cho Hồ Văn T10. Tổng khối lượng ma túy Trần Xuân D phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy là 29,139g Methamphetamine.

Nguyễn Văn D1 có hành vi giúp Mai Khánh L mua ma túy về để bán. D1 đã giúp L đi mua ma túy 02 lần vào ngày 02/6/2023 và ngày 26/6/2023.

Mai Thị H4 biết việc Mai Khánh L cất giấu ma túy tại nhà để bán cho khách. Ngoài ra, H4 đã giúp L bán ma túy 01 lần cho Nguyễn Văn D1 vào ngày 07/7/2023 và trực tiếp lấy số ma túy do L cất giấu để bán cho Trần Ngọc M1 vào tối ngày 30/6/2023. Do đó Mai Thị H4 có hành vi nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho Mai Khánh L và H4 cũng phải chịu trách nhiệm về toàn bộ khối lượng ma túy thu giữ của Mai Khánh L.

Nguyễn Văn C1 có hành vi giúp sức cho Trần Xuân D cất giấu ma túy tại quán bia Đ1 ở tiểu khu T13, thị trấn N, huyện N và bán ma túy cho Hồ Văn T10 vào ngày 19/7/2023. Nguyễn Văn C1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng khối lượng ma túy Cơ quan điều tra đã thu giữ của Trần Xuân D là 29,139g Methamphetamine.

Mai Thị T9 biết Mai Khánh L vay tiền để đi mua hồng phiến về bán kiếm lời. Mai Thị T9 đã cho L vay 20.000.000đ để Nguyễn Văn D1 đi mua ma túy.

Trần Ngọc S nhờ Mai Khánh L mua hêrôin với số tiền 25.000.000đ về để sử dụng và bán kiếm lời, đã bán trái phép chất ma túy 06 lần vào các ngày 12, 15, 16, 17/7/2023 cho Đồng Huy T15 và cho Nguyễn Như H5.

Cáo trạng của VKSND tỉnh T truy tố các bị cáo về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi và

để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến các chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, mà còn ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân, ma túy là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm về ma túy và giáo dục cải tạo đối với các bị cáo.

[4] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Trong vụ án này Mai Khánh L và Trần Xuân D là người chủ mưu, cầm đầu, trực tiếp thực hiện các hành vi mua bán trái phép chất ma túy, đồng thời chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện các hành vi giúp sức cho mình nhằm thu lợi bất chính. Do đó, Mai Khánh L và Trần Xuân D giữ vai trò thứ nhất trong vụ án.

Các bị cáo Nguyễn Văn D1 và Mai Thị H4 trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép ma túy theo yêu cầu của L nên D1 và H4 là đồng phạm với L; bị cáo Nguyễn Văn C1 là người giúp sức cho Trần Xuân D trong việc cất giấu và bán ma túy nên Chính đồng phạm với Trần Xuân D. Các bị cáo Nguyễn Văn D1, Mai Thị H4 và Nguyễn Văn C1 đều thực hiện hành vi giúp sức tích cực, do đó các bị cáo có vai trò ngang nhau và giữ vai trò thứ hai.

Bị cáo Trần Ngọc S nhờ Mai Khánh L mua ma túy sau đó về chia nhỏ bán cho những người nghiện, bị cáo phải chịu trách nhiệm độc lập về trọng lượng ma túy đã mua và hành vi phạm tội hai lần trở lên (bán nhiều lần hê rô in cho người nghiện).

Bị cáo Mai Thị T9 là chị gái Mai Khánh L, biết rõ Mai Khánh L vay tiền để mua ma túy về bán, bị cáo đã cho L vay 20.000.000đ để Nguyễn Văn D1 ra N4 mua ma túy, bị cáo thực hiện với hành vi đồng phạm với vai trò giúp sức, giữ vai trò cuối cùng.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn C1, Mai Thị H4, Trần Ngọc S, Mai Thị T9 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; các bị cáo Mai Khánh L, Mai Thị H4, Mai Thị T9 có bố để Mai Đình T2 được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ giải phóng – là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Trần Ngọc S có 01 tiền án, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đặc biệt là các bị cáo Trần Xuân D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn C1, Mai Thị H4 đã nhiều lần bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính và kết án tù nhưng không lấy đó làm bài học, vẫn tiếp tục phạm tội. Trong vụ án, các bị cáo Mai Khánh L, Mai Thị H4, Mai Thị T9 và Trần Ngọc S có quan hệ thân thích với nhau, bị cáo Mai Khánh L

tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng giữ vai trò chủ mưu trong vụ án, đã lôi kéo nhiều thành viên trong gia đình (chị gái, em gái, cháu ruột) và các đối tượng khác cùng thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích kiếm lời và thỏa mãn nhu cầu bản thân.

[6] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Mai Khánh L, Trần Xuân D, Nguyễn Văn D1, Nguyễn Văn C1, Trần Ngọc S, Mai Thị H4, miễn hình phạt bổ sung cho Mai Thị T9.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

*Tịch thu tiêu hủy các vật chứng là vật Nhà nước cấm và không có giá trị sử dụng sau:

- Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong các phong bì sau:

+ 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi vạ: “Vụ Trần Xuân D”, mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Lê Anh Thắng, Lại Thị Thanh Loan và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. (Phong bì do Phòng KTHS Công an tỉnh T phát hành). (Kèm KLGD số 2739/KL-KTHS ngày 26/7/2023).

+ 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi: “Vụ Hồ Văn T10”. Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Hoàng Thị Nguyên, Lại Thị Thanh Loan và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. (Kèm KLGD số 2740/KL-KTHS ngày 26/7/2023).

+ 01 (một) phong bì được dán kín niêm phong, mặt trước ghi: “Vụ Phòng CSMT T/C 357 ngày 20/7/2023”. Mặt sau có các chữ ký, chữ viết ghi rõ họ tên của Trần Thị Thúy Hằng, Lê Minh Tiến, Nguyễn Văn Quân và các hình dấu tròn đỏ của Phòng KTHS Công an tỉnh T. (Kèm KLGD số 2732/KL-KTHS ngày 25/7/2023).

- 01 cân tiểu ly màu xám, đã qua sử dụng;

- 01 túi nilon màu đỏ (loại túi zip), bên trong đựng các túi nilon loại túi zip có kích thước khoảng (4x8)cm;

*Tịch thu sung quỹ Nhà nước các vật chứng là công cụ, phương tiện do phạm tội mà có:

- 01 điện thoại Iphone màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Khánh L;

- 01 điện thoại Iphone màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Nguyễn Văn D1;

- 01 điện thoại Iphone 12 promax, màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Thị H4;

- 01 điện thoại Iphone XS, màu hồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Trần Ngọc S;

- 01 điện thoại Samsung màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Thị T9;

- 01 điện thoại Iphone 11 promax, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Trần Xuân D;

- 01 điện thoại Oppo màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Nguyễn Văn C1.

- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu đỏ, gắn BKS 36A-448.75, đứng tên Mai Khánh L, do bị cáo L không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Accent, màu trắng, gắn BKS 36A-941.47, do bị cáo Trần Xuân D và anh Lê Đình L1 cùng góp tiền để mua, ngoài ra bị cáo D và vợ là chị Phạm Thị H1 đang vay tiền tại Ngân hàng VIB tỉnh T và thế chấp bằng chiếc xe này, bị cáo D và anh L1 chỉ sử dụng xe vào mục đích cho thuê lại, không dùng làm phương tiện phạm tội, đến nay chị H1 vẫn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ với ngân hàng. Xét thấy đây là giao dịch dân sự thông thường, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho Trần Xuân D.

Các vật chứng hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T theo Biên bản giao nhận vật chứng số 165/2024/TV-CTHADS ngày 21/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra PC04 Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

Số tiền 500.000đ thu của Trần Xuân D, số tiền 160.000đ thu của Trần Ngọc S là tiền do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Số tiền 214.000.000đ thu của Mai Khánh L tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số tiền trên Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1054196.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh T, theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 02/7/2024.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Tuyên bố:** Các bị cáo Mai Khánh L, Trần Xuân D, Nguyễn Văn D1, Mai Thị H4, Nguyễn Văn C1, Trần Ngọc S, và Mai Thị T9 phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

***Áp dụng:** Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Mai Khánh L 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/7/2023.

***Áp dụng:** Điểm i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Trần Xuân D 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 27/7/2023.

***Áp dụng:** Điểm b, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn D1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 21/7/2023.

***Áp dụng:** Điểm i, q khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Nguyễn Văn C1 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/7/2023.

*** Áp dụng:** Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Mai Thị H4 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2023.

*** Áp dụng:** Điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Trần Ngọc S 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2023.

*** Áp dụng:** khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

*** Xử phạt:** Bị cáo Mai Thị T9 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 21/7/2023.

Phạt bổ sung đối với các bị cáo: Mai Khánh L 30.000.000đ; Trần Xuân D, Nguyễn Văn D1 mỗi bị cáo 20.000.000đ; Nguyễn Văn C1, Mai Thị H4, Trần Ngọc S mỗi bị cáo 10.000.000đ sung vào ngân sách Nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định, được đựng trong 03 phong bì được dán kín niêm phong theo mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng số 165/2024/TV-CTHADS ngày 21/6/2024;

+ 01 cân tiểu ly màu xám, đã qua sử dụng;

+ 01 túi nilon màu đỏ (loại túi zip), bên trong đựng các túi nilon loại túi zip có kích thước khoảng (4x8)cm.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 điện thoại Iphone màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Khánh L;

+ 01 điện thoại Iphone màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Nguyễn Văn D1;

+ 01 điện thoại Iphone 12 promax, màu trắng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Thị H4;

+ 01 điện thoại Iphone XS, màu hồng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Trần Ngọc S;

+ 01 điện thoại Samsung màu nâu, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Mai Thị T9;

+ 01 điện thoại Iphone 11 promax, màu xanh, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Trần Xuân D;

+ 01 điện thoại Oppo màu vàng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong thu của Nguyễn Văn C1.

- Trả lại cho Mai Khánh L 01 xe ô tô nhãn hiệu Mazda, màu đỏ, gắn BKS 36A-448.75, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, kèm chìa khóa xe.

- Trả lại cho Trần Xuân D 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI Accent, màu trắng, gắn BKS 36A-941.47, xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy bên trong, kèm chìa khóa xe.

Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh T theo Biên bản giao nhận vật chứng số 165/2024/TV-CTHADS ngày 21/6/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra PC04 Công an tỉnh T và Cục Thi hành án dân sự tỉnh T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 500.000đ thu của Trần Xuân D, và 160.000đ thu của Trần Ngọc S.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 214.000.000đ thu của Mai Khánh L để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ số tiền trên Cơ quan điều tra đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1054196.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh T mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh T, theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 01 ngày 02/7/2024.

***Án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Mai Khánh L, Trần Xuân D, Nguyễn Văn D1, Mai Thị H4, Nguyễn Văn C1, Trần Ngọc S, và Mai Thị T9, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T;
- CQCSĐT (PC04) Công an tỉnh T;
- CQTHAHS Công an tỉnh T;
- Cục THADS tỉnh T;
- Trại tạm giam;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Hùng